TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 47/2020/QĐST- HNGĐ	*B ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 57/2020/TLST - HNGĐ ngày 20/7/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Văn Đ

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Chị Nguyễn Thị B.

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 13/4/2018. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với nhau, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc, thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân đến nay không còn ai quan tâm gì đến nhau nữa. Do vậy anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị B đã thỏa thuận cùng nhau làm đơn đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa hai vợ chồng theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận của anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị B là tự nguyện, phù hợp với qui định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình. Nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị B đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay chưa có con chung, bản thân chị Nguyễn

Thị B cũng không có thai nghén gì nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không đề cập giải quyết.

[3]Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị đều xác nhận anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét giải quyết.

[4]Về công nợ: Trong thời gian chung sống anh, chị đều xác nhận vợ chồng không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị B thỏa thuận để anh Phạm Văn Đ chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị B.

2. Về lệ phí: Anh Phạm Văn Đ chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh Phạm Văn Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002500 ngày 20/7/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Xác nhận anh Phạm Văn Đ đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện B(02);*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND xã X, huyện B;*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu HS – TQĐ- VP (3).*

THẨM PHÁN

Đã ký

Phạm Như Long